

PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ GIÁM ĐỐC THẨM TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1864 - 1945⁽¹⁾

MAI THANH HIẾU *

Tóm tắt: Bài viết phân tích lịch sử hình thành và một số nội dung của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam trong gần 100 năm giai đoạn 1864 - 1945. Việc áp dụng trực tiếp pháp luật tố tụng hình sự Pháp về giám đốc thẩm và ảnh hưởng mạnh mẽ của nó đối với việc pháp điển hóa luật tố tụng hình sự tại Việt Nam trong giai đoạn này thể hiện tính chất áp đặt của thực dân Pháp như một công cụ thống trị. Tuy nhiên, việc tiếp nhận pháp luật tố tụng hình sự Pháp về giám đốc thẩm là tiếp nhận mô hình giám đốc thẩm điển hình của dòng họ pháp luật châu Âu lục địa (civil law), với nhiều quy định tiến bộ vẫn được kế thừa trong pháp luật tố tụng hình sự đương đại của Pháp. Do hoàn cảnh lịch sử, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về giám đốc thẩm sau năm 1954 tại miền Bắc và sau năm 1975 trên cả nước không còn chịu ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ của pháp luật tố tụng hình sự Pháp nhưng những giá trị pháp lý đó cần tiếp tục được nghiên cứu, nhằm tìm ra các giải pháp phù hợp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về giám đốc thẩm.

Từ khóa: Ảnh hưởng; giám đốc thẩm; tố tụng hình sự

Nhận bài: 26/5/2020

Hoàn thành biên tập: 29/9/2020

Duyệt đăng: 29/9/2020

VIETNAM'S CRIMINAL PROCEDURE LAW ON CASSATION IN VIETNAM FROM 1864 TO 1945

Abstract: The article analyzes the history and several issues of Vietnam's criminal procedure law on cassation in nearly 100 years (1864-1945). The fact that the French criminal procedure law on cassation was accepted and directly applied and their influences on Vietnamese legislation reflects the imposition of a powerful tool of the French to rule over Vietnamese people. However, with the view of considering it as a typical cassation model of the civil law tradition, Vietnam's criminal procedure law includes a lot of modern provisions uphold in substantive French criminal procedure law. Due to historical circumstances, the Vietnam's criminal procedure law on cassation after 1954 in the North and after 1975 across the country is no longer directly and strongly impacted by the French criminal procedure law, but those legal values need to be further studied, in order to find appropriate solutions for the improvement of the criminal procedure law on cassation in Vietnam.

Keywords: Influence; cassation; criminal procedure.

Received: May 26th, 2020; Editing completed: Sept 29th, 2020; Accepted for publication: Sept 29th, 2020

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: maithanhhiu@hlu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp cơ sở: “So sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp về giám đốc thẩm”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019.

1. Khái quát lịch sử hình thành pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam giai đoạn 1864 - 1945

Pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) Pháp về giám đốc thẩm (GĐT) được áp dụng trực

tiếp tại Việt Nam từ năm 1864 với việc áp dụng trực tiếp Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 theo Sắc lệnh ngày 25/7/1864. Bộ luật này được áp dụng trực tiếp tại thuộc địa Nam kì, ba thành phố nhượng địa Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng cũng như khu vực bảo hộ Trung kì, khu vực nửa bảo hộ Bắc kì đối với người Pháp và những chủ thể được ưu đãi như người Pháp. Tuy nhiên, thời gian đầu, việc áp dụng thủ tục GĐT rất hạn chế, chỉ trong trường hợp cần huỷ các bản án, quyết định chung thẩm của toà án Pháp vì lợi ích của pháp luật. Sắc lệnh ngày 07/3/1868 đã mở rộng việc áp dụng thủ tục GĐT cả trong trường hợp vì lợi ích của đương sự nhưng chỉ trong lĩnh vực dân sự và thương mại. Việc hạn chế áp dụng thủ tục GĐT trong lĩnh vực hình sự được lí giải bởi sự cách xa chính quốc về mặt địa lí và ý định của chính quyền thực dân trong việc đơn giản hoá đến mức tối đa thẩm quyền xét xử của toà án tại thuộc địa. Do sự đấu tranh của luật sư Blancsubé, sự ủng hộ của thống đốc dân sự đầu tiên tại Nam kì Le Myre de Viler và sự ảnh hưởng của việc thiết lập thủ tục GĐT trong lĩnh vực hình sự đối với các toà án Pháp tại Nouvelle-Calédonie mà chính quyền Pháp đã phải ban hành Sắc lệnh ngày 25/6/1879 cho phép áp dụng thủ tục GĐT trong lĩnh vực hình sự tại thuộc địa Nam kì, cả trong trường hợp vì lợi ích của pháp luật cũng như vì lợi ích của bị cáo và bị hại.⁽²⁾ Kháng cáo, kháng nghị GĐT và hồ sơ vụ án

được chuyển về chính quốc để xét xử tại Tòa phá án Paris. Để tránh sự quá tải cho Tòa phá án Paris, các bản án, quyết định chung thẩm về tội phạm ít nghiêm trọng (tội vi cảnh) không được kháng cáo, kháng nghị GĐT mà chỉ được kháng cáo, kháng nghị huỷ án tại Tòa phúc thẩm Sài Gòn. Thủ tục huỷ án là thủ tục đặc biệt thay thế thủ tục GĐT tại thuộc địa. Mặc dù người dân bản xứ Nam kì có quyền kháng cáo, kháng nghị GĐT nhưng thủ tục GĐT trong Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 không dễ tiếp cận đối với họ và mặt khác “*làm sao có thể tin tưởng vào một tòa án xa lạ ở châu lục khác?*”.⁽³⁾

Do chiến tranh thế giới lần thứ hai, việc xét xử GĐT tại chính quốc không thuận lợi, Toà phá án Đông Dương được thành lập theo Luật ngày 07/8/1942 để xét xử GĐT ngay tại Sài Gòn. Toà phá án Đông Dương được thành lập như một giải pháp tạm thời do chiến tranh, bởi án lệ GĐT tại thuộc địa làm mất tính thống nhất của việc áp dụng pháp luật trên toàn lãnh thổ Pháp, chính quốc cũng như hải ngoại.⁽⁴⁾

Tòa phá án Đông Dương xét xử mỗi quý ít nhất một lần theo triệu tập của chánh án. Chức năng công tố tại Tòa phá án Đông Dương thuộc về Viện trưởng Viện Công tố Sài Gòn hoặc thuộc về công tố viên thân niên nhất. Thẩm quyền của Tòa phá án Đông Dương tương tự thẩm quyền của Tòa hình sự Tòa phá án Paris. Tòa phá án Đông Dương

(2). Adrien Blazy, *L'organisation judiciaire en Indochine française 1858-1945, Tome I: Le temps de la construction 1858-1898*, Presses de l'Université Toulouse 1 Capitole, LGDJ - Lextenso Editions, 2014, p. 193 - 194.

(3). Adrien Blazy, sdd, p. 197.

(4). Adrien Blazy, *L'organisation judiciaire en Indochine française 1858-1945, Tome II: Le temps de la gestion 1858-1945*, Presses de l'Université Toulouse 1 Capitole, LGDJ - Lextenso Editions, 2014, p. 341, 343.

xét xử GĐT đối với bản án, quyết định chung thẩm của các tòa án Pháp về tội đại hình, tiểu hình cũng như tội vi cảnh.

Không chỉ được áp dụng trực tiếp, Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 còn ảnh hưởng sâu sắc đến việc pháp điển hoá luật TTHS tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Sự ảnh hưởng nói trên nằm trong “mục tiêu và định hướng của các nhà lập pháp qua Thông tư ngày 07/7/1899 mở rộng dần quyền xét xử của Pháp trong các xứ bảo hộ Đông Dương và thay thế tòa án bản xứ bằng nhân sự, tổ chức tư pháp và thủ tục tương tự như đã được chấp nhận ở Nam kì”.⁽⁵⁾

Bộ luật TTHS Bắc kì được soạn thảo từ năm 1913, cùng với việc soạn lại toàn bộ luật An Nam ở Bắc kì, theo lệnh của toàn quyền Albert Sarraut. Việc xây dựng các luật này cũng như các Sắc lệnh ngày 01/11/1901 và ngày 31/8/1905 trước đó nhằm thiết lập sự kiểm soát của Tòa phúc thẩm Đông Dương đối với tất cả các tòa án bản xứ Bắc kì đều là sự áp đặt của chính quyền Pháp, không hỏi ý kiến Nam triều, đến mức các luật gia Pháp phải đặt câu hỏi “như thế đối với quốc luật An Nam liệu có giá trị hay không”.⁽⁶⁾ Đầu năm 1914, dự thảo Bộ luật TTHS cùng 3 luật khác mới được trình Hoàng đế An Nam chuẩn y, bởi lẽ “việc cải cách này theo đúng hòa ước, tất phải có Chính phủ Nam triều ưng thuận mới được”.⁽⁷⁾ Bộ luật TTHS Bắc kì ban hành năm 1917 (100 điều), sau đó được sửa đổi,

bổ sung và ban hành năm 1921 (211 điều), trong đó có quy định về thủ tục GĐT với tên gọi là “*thủ tiêu nguyên án (annulation)*”. Thủ tục GĐT cũng như các quy định khác của Bộ luật TTHS Bắc kì và các luật mới “*có nhiều chỗ khác hẳn luật cổ An Nam*”, “*được xây dựng theo các khái niệm hiện đại, lúc đầu, chỉ các thẩm phán Pháp hiểu và thi hành được*”.⁽⁸⁾

So với Bắc kì, sự hình thành pháp luật TTHS về GĐT tại Trung kì diễn ra chậm hơn bởi sự áp đặt ảnh hưởng của pháp luật TTHS Pháp “*vi phạm đến chính thể An Nam, không hợp thời, dân chúng phản đối và nguy hiểm*”.⁽⁹⁾ Vì vậy, năm 1933, Bộ luật TTHS Trung kì mới được ban hành và đến cải cách tư pháp năm 1942, thủ tục GĐT mới được quy định. Tại Trung kì, thẩm quyền xét xử GĐT trong TTHS được giao cho Tòa phúc thẩm.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 vẫn tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng pháp luật TTHS ở miền Nam: “*trên đường thống nhất điển chế còn đượm màu thẩm cứu hình sự của Pháp*”.⁽¹⁰⁾ Những quy định của Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 còn hiệu lực và không trái với tổ chức tư pháp mới vẫn tiếp tục được áp dụng trực tiếp tại đây.⁽¹¹⁾ Bộ luật

(5). L. A. Habert, “La justice indigène au Tonkin”, *Revue judiciaire franco-annamite*, 01/1932, p. 46.

(6). L. A. Habert, *tlđđ*, p. 48.

(7). L. A. Habert, *tlđđ*, p. 48, 49.

(8). L. A. Habert, “La justice indigène au Tonkin”, *Revue judiciaire franco-annamite*, 02/1932, p. 87.

(9). Albert Bonhomme, “La justice indigène en Annam”, *Revue judiciaire franco-annamite*, 06/1932, p. 95.

(10). Nguyễn Quốc Hưng, *Hình sự tố tụng lược giảng*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1957, tr. 14.

(11). Ngo Ba Thanh, *L’originalité du droit vietnamien et la réception des droits étrangers au Vietnam: Droit chinois au début de l’ère chrétienne et droit français*

TTHS Pháp cùng với Bộ luật TTHS Bắc kì và Trung kì vẫn tiếp tục là nguồn của pháp luật TTHS ở miền Nam cho đến khi bị hủy bỏ bởi Bộ luật TTHS của Việt Nam cộng hoà năm 1972.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, pháp luật TTHS Pháp cũng như pháp luật TTHS Bắc kì và Trung kì về GĐT bị bãi bỏ tại miền Bắc. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, luật TTHS miền Bắc “*mang tính chất cấp bách, phù hợp với hoàn cảnh thời chiến, tập trung cho việc thực hiện chuyên chính, chống kẻ thù của dân tộc và bảo vệ chính quyền cách mạng, việc thực hiện các nguyên tắc pháp lí dân chủ trong TTHS còn bị hạn chế. Thời kì này, những quy định về việc xét xử còn đơn giản, ngay cả nguyên tắc hai cấp xét xử còn chưa được quy định thống nhất và bảo đảm thực hiện*”,⁽¹²⁾ vì vậy, thủ tục GĐT cũng không được quy định. Những văn bản pháp luật đầu tiên về GĐT tại miền Bắc “*hầu như không kế thừa pháp luật trong thời kì Pháp thuộc mà có rất nhiều điểm khác biệt*”.⁽¹³⁾ Pháp luật TTHS về GĐT sau hòa bình năm 1954 tại miền Bắc và sau thống nhất năm 1975 trên cả nước không còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật TTHS Pháp. Tuy nhiên, sự đứt gãy với trật tự pháp luật cũ tại miền Bắc Việt Nam cũng tương tự như trường hợp Liên Xô và các nước dân

chủ nhân dân Đông Âu, trong khi chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa vẫn không thể hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của hệ thống pháp luật trong quá khứ ở một mức độ nhất định.⁽¹⁴⁾

2. Một số nội dung của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam giai đoạn 1864 - 1945

2.1. Đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

Đối tượng của kháng cáo, kháng nghị GĐT là bản án, quyết định chung thẩm. Bản án, quyết định chung thẩm gồm bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm và bản án, quyết định phúc thẩm.

Tính chung thẩm của đối tượng của kháng cáo, kháng nghị GĐT được quy định tại Điều 416 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808. Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 cũng quy định: “*Các án có thể bị thủ tiêu là án của toà sơ cấp, đệ nhị cấp nghị xử chung thẩm*”.⁽¹⁵⁾ Tính chung thẩm của đối tượng kháng cáo, kháng nghị GĐT tiếp tục được quy định tại Điều 567 Bộ luật TTHS hiện hành năm 1957 của Pháp.

Tính chung thẩm đòi hỏi đối tượng của kháng cáo, kháng nghị GĐT phải là bản án, quyết định cuối cùng về nội dung, “*nhất định về nội dung*”, “*có tính cách chung quyết mà toà án sau này xét xử không còn sửa đổi được nữa*” (Điều 416 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808).

Chung thẩm là cấp xét xử cuối cùng về nội dung vụ án, về tình tiết cũng như về pháp

aux XIXème siècle, Thèse de doctorat en droit, Paris, Deuxième partie, 1962, p. 88.

(12). Phan Thị Thanh Mai, “Khái quát về chế định giám đốc thẩm trong luật TTHS Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay”, *Tạp chí Luật học*, số 3/2005, tr. 33.

(13). Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2007, tr. 48.

(14). Ngo Ba Thanh, tldđ, p. 35.

(15). Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Hữu Tiên, *Lược khảo về Bộ luật mới Bắc kì*, Nhà in Kim Đức Giang, Hà Nội, 1923, tr. 124.

luật. Để xác định tính chung thẩm của đối tượng của kháng cáo, kháng nghị GĐT cần căn cứ vào thẩm quyền pháp định của tòa nguyên xử, chỉ khi nào tòa này có thẩm quyền chung thẩm, bản án, quyết định mới có thể được kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Tính chung thẩm được phân biệt với tính có hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định. Bản án, quyết định sơ thẩm khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật nhưng không phải là chung thẩm và không phải là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị GĐT: *“Một bản án nhất định có thể do một tòa xử sơ thẩm, sở dĩ thành nhất định là vì người bị án không đem việc kiện lên tòa trên để xử lại, không kháng cáo. Trong trường hợp này, bản án không thể được thượng tố, vì tuy là án nhất định, nhưng lại không phải là án chung thẩm”*.⁽¹⁶⁾

Trường hợp kháng nghị GĐT vì lợi ích của pháp luật thì đối tượng của kháng nghị có thể là bản án, quyết định không phải là chung thẩm (Điều 441 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808). *“Đó là một điểm rất đặc biệt vì nguyên tắc là sự thượng tố chỉ khai mở đối với những bản án chung thẩm”*.⁽¹⁷⁾

2.2. Căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

Căn cứ kháng cáo, kháng nghị GĐT là sự vi phạm pháp luật của bản án, quyết định chung thẩm. Đây là căn cứ chung của kháng cáo, kháng nghị GĐT.

Tuy nhiên, Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 và các bộ luật chịu ảnh hưởng của

Pháp như Bộ luật TTHS Bỉ năm 1808, Haiti năm 1826, Bắc kì năm 1921... đều không quy định căn cứ chung mà chỉ quy định các căn cứ cụ thể của kháng cáo, kháng nghị GĐT. Chỉ đến Bộ luật TTHS hiện hành năm 1957 của Pháp mới quy định căn cứ chung có tính nguyên tắc của kháng cáo, kháng nghị GĐT tại Điều 591, theo đó bản án, quyết định chung thẩm chỉ bị phá án nếu *“vi phạm pháp luật”*.

Các căn cứ cụ thể của kháng cáo, kháng nghị GĐT trong Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 được quy định chi tiết tại các Điều 408, 410, 413 và 416 như: thành phần hội đồng xét xử không hợp pháp; tòa án không có thẩm quyền xét xử; vi phạm nguyên tắc xét xử công khai; bản án, quyết định không nêu căn cứ; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục mà pháp luật quy định hậu quả vô hiệu; bỏ sót hoặc không xem xét yêu cầu của các bên; vi phạm trong việc áp dụng hình phạt; vi phạm quy định về chứng cứ. Các căn cứ cụ thể của kháng cáo, kháng nghị GĐT cũng đồng thời là căn cứ phá án.

Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 quy định ba căn cứ cụ thể để kháng cáo, kháng nghị GĐT gồm: *“lạm quyền”*, *“việt quyền”* và *“trái luật”*. Lạm quyền (incompétence) là sự vi phạm thẩm quyền của tòa án khác: *“Lạm quyền là nói một quan thẩm phán nào nghị xử một việc kiện thuộc về thẩm quyền của tòa án khác, nhưng vẫn không ra khỏi ngoài vòng quyền hạn tư pháp”*; Việt quyền (excès de pouvoir) là sự thực hiện thẩm quyền mà pháp luật không quy định: *“Việt quyền là nói về một quan thẩm phán nào làm một việc gì mà chiếu theo quyền hạn tư pháp thì không tòa án nào được làm”*; Trái luật (violation

(16). Lê Tài Triển (chủ biên), *Nhiệm vụ của công tố viện*, Sài Gòn, 1970, tr. 434, 345.

(17). Lê Tài Triển, sđd, tr. 449.

de la loi) là sự vi phạm pháp luật dưới hình thức thực hiện hoặc viện dẫn không đúng quy định của pháp luật: “*Phải đủ 3 nguyên lý sau này mới gọi là trái luật: a) trước hết phải có định luật làm thành luật văn; b) sau phải có sự làm trái luật ấy; c) sự trái luật cũng có khi gọi là sự trái phép tức là sự làm sai ý tứ đã mình định trong luật văn... hay là khi gặp việc kiện nào mà viện dụng một điều luật không hợp với việc kiện ấy*”.⁽¹⁸⁾ Như vậy, so với quy định tại Bộ luật TTHS Pháp năm 1808, các căn cứ kháng cáo, kháng nghị GĐT nói trên trong Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 có tính khái quát hơn. Tuy nhiên, căn cứ thứ nhất và thứ hai của kháng cáo, kháng nghị GĐT không phải là những căn cứ độc lập: “*Chữ lạm quyền và chữ vi phạm quyền giải nghĩa như thế là để tách ra mà thôi. Kì thực thì nghĩa cũng là một. Vì rằng phạm tòa án nào mà xử một việc gì không thuộc về thẩm quyền mình thì tức là làm quá cái chức vụ của mình (lạm quyền) mà lại tức là vượt ra ngoài quyền hành tư pháp (vi phạm quyền)*”.⁽¹⁹⁾ Ngoài ra, cả hai căn cứ nói trên cũng không phải là những căn cứ độc lập so với căn cứ thứ ba và cũng chính là căn cứ chung của kháng cáo, kháng nghị GĐT, đó là sự vi phạm pháp luật.

2.3. Chủ thể kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

Chủ thể kháng cáo, kháng nghị GĐT là viện trưởng viện công tố và những người tham gia tố tụng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại bởi bản án, quyết định chung thẩm vi phạm pháp luật.

(18). Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 124, 125.

(19). Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 124.

Theo quy định tại các Điều 177, 216, 298, 373, 408, 410 và 413 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808, chủ thể kháng cáo GĐT là bị cáo, bị hại và chủ thể kháng nghị GĐT là viện trưởng viện công tố. Tương tự, Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 quy định chủ thể kháng cáo GĐT là “*các người đương sự*” và chủ thể kháng nghị GĐT là “*quan chương lý Tòa thượng thẩm Hà Nội*” (viện trưởng viện công tố cùng cấp với tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm). Viện trưởng viện công tố có thể tự mình kháng nghị GĐT hoặc kháng nghị GĐT theo yêu cầu của Nam án thủ hiến vì lợi ích của pháp luật: “*Chỉ có quan chương lý được tự đứng lên xin thủ tiêu hoặc theo lệnh quan Nam án thủ hiến mà đứng lên làm*”.⁽²⁰⁾

Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 và Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 chỉ xác định chủ thể kháng cáo, kháng nghị GĐT mà không quy định điều kiện bị xâm hại của chủ thể. Đến Bộ luật TTHS hiện hành năm 1957 của Pháp mới quy định nguyên tắc lợi ích để hành động (intérêt à agir) tại Điều 567, theo đó, chủ thể kháng cáo GĐT phải là “*bên bị thiệt hại*”. Nguyên tắc này đòi hỏi chỉ khi nào có lợi ích về sự phá án mới có quyền kháng cáo GĐT. Nguyên tắc lợi ích để hành động chỉ cho phép bị hại, đương sự kháng cáo GĐT hạn chế trong phạm vi những điểm liên quan đến quyền lợi dân sự mà thôi. Tương tự, bị cáo không được kháng cáo GĐT đối với một bản án đã tha bổng mình, vì trường hợp này không có lợi ích gì để xin phá án. Tuy nhiên, người được toà án tuyên không có tội vì nghi vấn có quyền kháng cáo GĐT về căn cứ

(20). Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 127.

tuyên không có tội. Lợi ích để hành động trong trường hợp này “là một lợi ích tinh thần; khi bị can được tha chỉ vì nghi vấn thì vẫn còn có một sự nghi ngờ bao phủ danh dự, cho nên bị can được quyền kháng cáo để đánh tan sự nghi ngờ bằng một bản án tha bổng xác nhận hẳn hoi sự vô tội”.⁽²¹⁾

2.4. Thủ tục và thời hạn kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

- Thủ tục kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

Kháng cáo GĐT được thực hiện tại toà án đã ra bản án, quyết định chung thẩm. Theo quy định tại Điều 66 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921, “Các người đương sự muốn khởi làm sự xin thủ tiêu, thì phải khai trình lên quan thẩm phán toà án nguyên thẩm”; Kháng cáo GĐT được thực hiện dưới hình thức văn bản hoặc trình bày trực tiếp, nêu rõ căn cứ kháng cáo: “Khai trình có thể khai miệng hoặc khai giấy, phải nói rõ cái duyên cớ gây nên sự lạm quyền hoặc vi phạm quyền hoặc trái luật”; Kháng cáo GĐT dưới hình thức nào cũng đều phải vào sổ thụ lí: “Không cứ trường hợp nào, tiếp được sự khai trình phải đăng kí vào quyển sổ phòng lục sự dùng vào việc ấy”.⁽²²⁾ Thủ tục kháng cáo GĐT nói trên tương tự quy định tại Điều 417 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808. “Theo lí thuyết chung... thủ tục kháng cáo GĐT rất chặt chẽ và không thể thay thế bằng bất kì thủ tục nào khác bởi quan trọng là ý chí của chủ thể kháng cáo GĐT phải được ghi nhận theo thể thức luật định”.⁽²³⁾

Kháng nghị GĐT phải được gửi cho những người tham gia tố tụng có liên quan và chánh án tòa án đã ra bản án, quyết định chung thẩm. Theo quy định tại Điều 70 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921, “Sự xin thủ tiêu của quan chức lí thì phải tổng đạt cho người phạm tội hoặc người bị can biết và phải thông tri cho quan chánh thẩm phán tòa nguyên thẩm”.

Chủ thể kháng cáo GĐT phải nộp khoản tiền tạm ứng án phí và dự phạt. Theo quy định tại Điều 75 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921, trường hợp toà án có thẩm quyền GĐT không chấp nhận kháng cáo thì chủ thể kháng cáo phải chịu lệ phí và bị phạt bạc 30 đồng thuê vào công quỹ. Quy định này không áp dụng đối với kháng nghị GĐT của viện công tố: “Lệ ấy không thi cho sự xin thủ tiêu của quan Chức lí”.⁽²⁴⁾ Quy định nói trên của Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 chịu ảnh hưởng của Điều 419 và 420 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808. Quy định chủ thể kháng cáo GĐT phải nộp tiền dự phạt và có thể bị phạt tiền không nhằm trừng trị sự thách thức quyền lực của tòa án bằng việc kháng cáo, không nhằm cản trở việc thực hiện quyền kháng cáo mà nhằm để chủ thể kháng cáo cân nhắc kĩ việc kháng cáo bởi GĐT không phải là cấp xét xử thứ ba, mà chỉ là thủ tục đặc biệt bảo đảm sự thống nhất trong việc áp dụng và thi hành pháp luật.⁽²⁵⁾

Théorie du Code d'instruction criminelle, Tome troisième, Bruxelles. Bruylant-Christophe et compagnie, Éditeur, 1869, p. 742.

(24). Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 126.

(25). M. Faustin Hélie, JSG. Nypels, Léopold Hanssens, Constant Casier, sđd, 1869, p. 746.

(21). Lê Tài Triền, sđd, tr. 345, 438, 439.

(22). Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 125.

(23). M. Faustin Hélie, JSG. Nypels, Léopold Hanssens, Constant Casier, *Traité de l'instruction criminelle ou*

Theo quy định tại Điều 421 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808, người bị kết án phạt tù phải tự nguyện chấp hành án khi kháng cáo GĐT. Đây là một trong những điều kiện để toà án có thẩm quyền GĐT chấp nhận kháng cáo về hình thức. Quy định này có nguồn gốc trong cổ luật Pháp từ năm 1566. Cơ sở của quy định này đã được Muraire - báo cáo viên Hội đồng lập pháp khẳng định trong phiên thảo luận tại Tham chính viện như sau: Người bị kết án phạt tù kháng cáo GĐT “*muốn được pháp luật bảo hộ thì trước hết phải tuân theo pháp luật*”.⁽²⁶⁾ Tuy nhiên, việc buộc người bị kết án phạt tù tự nguyện chấp hành hình phạt khi kháng cáo GĐT là buộc họ phải thi hành một bản án chưa có hiệu lực thi hành, mâu thuẫn với hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị GĐT trong việc tạm đình chỉ thi hành án quy định tại Điều 373 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808. Mâu thuẫn này đã được các luật gia Pháp chỉ ra hơn 100 năm trước nhưng các luật gia miền Nam vẫn đưa vào Bộ luật TTHS năm 1972 và các luật gia Pháp vẫn tiếp tục quy định trong Bộ luật TTHS mới năm 1957 (Điều 583). Năm 1999, Toà án nhân quyền châu Âu đã lên án quy định này trong vụ án Khalfaoui, coi đó là sự vi phạm quyền kháng cáo GĐT, vi phạm quyền con người.⁽²⁷⁾ Cuối cùng, quy định bất hợp lí nói trên trong Bộ

luật TTHS Pháp năm 1957 đã được huỷ bỏ theo Luật ngày 15/6/2000.

- Thời hạn kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

Theo quy định tại Điều 373 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808, thời hạn kháng cáo, kháng nghị GĐT là 3 ngày tròn sau ngày tuyên án chung thẩm. Như vậy, các chủ thể được bình đẳng về thời hạn kháng cáo, kháng nghị GĐT. Trong khi đó, Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 có sự phân biệt thời hạn kháng cáo và kháng nghị GĐT.

Theo quy định tại Điều 67 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921, thời hạn kháng cáo GĐT rất ngắn: “*Cái hạn của người đương sự được xin thủ tiêu là hạn 5 ngày*”. Trường hợp chủ thể kháng cáo GĐT có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày sau ngày tuyên án: “*Nếu án kết trước mặt người đương sự, thì kể bắt đầu từ ngày sau ngày kết án*”; Trường hợp chủ thể kháng cáo GĐT vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày sau ngày tổng đạt bản án, quyết định chung thẩm: “*Nếu án không phải kết trước mặt người đương sự, thì kể bắt đầu từ ngày sau ngày tổng đạt án ấy cho đích thân hoặc trú quán của người ấy*”.⁽²⁸⁾ Để xác định tính hợp pháp của kháng cáo GĐT về thời hạn, Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 quy định ngày kháng cáo là ngày tòa án đã ra bản án, quyết định chung thẩm vào sổ thụ lí kháng cáo: “*ngày đăng kí tức là ngày xin thủ tiêu*” (Điều 66). Thời hạn kháng nghị GĐT dài hơn so với thời hạn kháng cáo GĐT. Trường hợp chủ thể kháng

(26). M. Faustin Hélie, JSG. Nypels, Léopold Hanssens, Constant Casier, sdd, 1869, p. 751.

(27). Serge Guinchard, Monique Bandrac, Mélina Douchy, Frédérique Ferrand, Xavier Lagarde, Véronique Magnier, Hélène Ruiz Fabri, Laurence Sinopoli, Jean-Marc Sorel, *Droit processuel – Droit cummun et droit comparé du procès*, 2e édition, Dalloz, 2003, p. 516.

(28). Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Hữu Tiến, sdd, tr. 125.

cáo GĐT đã kháng cáo thì thời hạn kháng nghị GĐT là 30 ngày kể từ sau khi chủ thể kháng nghị nhận được hồ sơ vụ án: “*Nếu người đương sự đã có xin thủ tiêu, thì trong hạn 30 ngày kể từ sau khi buông giấy quan chương lí tiếp được bút lục việc án*”; Trường hợp chủ thể kháng cáo GĐT không kháng cáo thì thời hạn kháng nghị GĐT là 60 ngày kể từ sau khi chủ thể kháng nghị nhận được trích lục bản án, quyết định chung thẩm: “*nếu người đương sự không xin thủ tiêu, thì trong hạn 60 ngày kể từ sau khi buông giấy quan chương lí tiếp được bản trích lục án*”.⁽²⁹⁾ Trường hợp kháng nghị GĐT vì lợi ích của pháp luật thì không hạn chế về thời hạn: “*Sự xin tiêu này làm ở ngoài cái kì hạn luật định của quan chương lí*”.⁽³⁰⁾ Quy định phân biệt thời hạn nói trên thể hiện sự bất bình đẳng giữa các chủ thể kháng cáo và kháng nghị GĐT.

2.5. Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

- Hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị

Kháng cáo, kháng nghị GĐT có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Điều 68 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 quy định: “*các án khinh tội, trọng tội bị xin thủ tiêu được triển hoãn sự thi hành*”. Hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị không áp dụng đối với bản án, quyết định về tội vi cảnh: “*Luật chỉ nói “về các án trọng tội, khinh tội... Vụ án vi cảnh bị xin thủ tiêu thì không phải bị triển hoãn chấp*

hành”.⁽³¹⁾ Nói cách khác, bản án, quyết định chung thẩm về tội vi cảnh tiếp tục được thi hành mặc dù có kháng cáo, kháng nghị GĐT. Quy định nói trên của Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 chịu ảnh hưởng của Điều 373 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808. Việc phá án chỉ thực sự có hiệu quả trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị chưa được thi hành, sự việc được trở lại tình trạng ban đầu như trước khi có bản án, quyết định bị phá.⁽³²⁾ Tuy nhiên, nếu như trong Bộ luật TTHS Pháp năm 1808, kháng cáo, kháng nghị GĐT có hiệu lực chưa đưa ra thi hành đối với tất cả các bản án, quyết định chung thẩm về tội đại hình, tiểu hình cũng như tội vi cảnh, thì trong Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921, bản án, quyết định chung thẩm về tội vi cảnh vẫn được thi hành mặc dù bị kháng cáo, kháng nghị GĐT, thể hiện sự bất bình đẳng giữa những người bị kết án và làm mất hiệu quả của việc phá án.

Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị GĐT trong việc chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị có ngoại lệ đối với phần bồi thường thiệt hại, tiếp tục tạm giam hoặc trả tự do. Các quyết định này tiếp tục được thi hành hoặc thi hành ngay mặc dù có kháng cáo, kháng nghị GĐT.

- Hiệu lực phát sinh việc thực hiện thẩm quyền xét xử theo thủ tục GĐT

Kháng cáo, kháng nghị GĐT có hiệu lực phát sinh việc thực hiện thẩm quyền xét xử của toà án theo thủ tục GĐT trong những giới hạn nhất định, cụ thể:

(31). Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 126.

(32). M. Faustin Hélie, JSG. Nypels, Léopold Hanssens, Constant Casier, sđd, 1869, p. 753.

Kháng cáo, kháng nghị GĐT làm phát sinh việc thực hiện thẩm quyền xét xử của toà án theo thủ tục GĐT trong giới hạn chức năng của toà án. Toà án có thẩm quyền GĐT chỉ xem xét việc vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định chung thẩm của toà án đã giải quyết vụ án về nội dung. Những quy định nói trên có nguồn gốc từ Sắc lệnh ngày 27/11 và ngày 01/12/1790 của Pháp, theo đó trong mọi trường hợp, toà phá án không thể xét xử về nội dung vụ án.

Kháng cáo, kháng nghị GĐT làm phát sinh việc thực hiện thẩm quyền xét xử của toà án theo thủ tục GĐT trong giới hạn phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Toà án có thẩm quyền GĐT *“không phải là thụ lí toàn diện vụ án để đem xử lại, nhưng thụ lí riêng về những điểm nào trong bản án đã bị đơn thượng tố nêu ra kích phá”*.⁽³³⁾ Tuy nhiên, toà án có thẩm quyền GĐT cũng có thể tự mình xem xét ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị, đối với những vi phạm thủ tục tố tụng trong việc điều tra.

Kháng cáo, kháng nghị GĐT làm phát sinh việc thực hiện thẩm quyền xét xử của toà án theo thủ tục GĐT trong giới hạn tư cách tố tụng của chủ thể kháng cáo, kháng nghị. *“Chẳng hạn sự thượng tố của dân sự nguyên cáo chỉ kích phá được bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi dân sự”*.⁽³⁴⁾ Trường hợp chỉ có bị cáo kháng cáo thì Toà án có thẩm quyền GĐT không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

(33). Lê Tài Triển, sđd, tr. 443, 444.

(34). Lê Tài Triển, sđd, tr. 444.

2.6. Quyết định giám đốc thẩm

- Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị

Theo quy định tại Điều 75 BLTTHS Bắc kì năm 1921, toà án có thẩm quyền GĐT có quyền quyết định *“bác”*, không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Quy định này chịu ảnh hưởng của Điều 426 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808. Việc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị GĐT làm cho bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, hiệu lực thi hành, *“thành nhất định, không thể bàn cãi được nữa”*,⁽³⁵⁾ tức là không thể trở thành đối tượng của kháng cáo, kháng nghị GĐT một lần nữa, kể cả trong trường hợp có căn cứ kháng cáo, kháng nghị mới (Điều 438 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808). Tuy nhiên, Bộ luật TTHS Pháp năm 1808 cũng như Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921 đều không phân biệt thẩm quyền không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị về hình thức với thẩm quyền không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị về nội dung. Theo quy định tại Điều 605 Bộ luật TTHS hiện hành năm 1957 của Pháp, việc xem xét kháng cáo, kháng nghị GĐT về hình thức phải được thực hiện trước khi xem xét kháng cáo, kháng nghị về nội dung: *“Trước khi xét xử về mặt nội dung, toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm xem xét tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị. Trường hợp kháng cáo, kháng nghị không hợp pháp thì tùy trường hợp, toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị hoặc tước quyền kháng cáo, kháng nghị”*.

(35). Nguyễn Quốc Hưng, sđd, tr. 208.

Toà án có thẩm quyền GĐT quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị về nội dung trong trường hợp kháng cáo, kháng nghị không có căn cứ.

- Hủy bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị

Tùy trường hợp, toà án có thẩm quyền GĐT hủy bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để xét xử lại tại toà án đã ra bản án quyết định bị kháng cáo, kháng nghị với hội đồng xét xử mới hoặc tại toà án khác cùng cấp và cùng hệ thống với toà án đã ra bản án quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Do toà án có thẩm quyền GĐT không phải là cấp xét xử thứ ba, không xét xử vụ án về nội dung, *“không có quyền xét xử về tình lí, cho nên trong trường hợp bản án bị tiêu phá, vấn đề di giao nội vụ cho một toà khác xử lại được đặt ra”*.⁽³⁶⁾

Theo quy định tại Điều 76 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921, toà án có thẩm quyền GĐT có thể hủy bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để xét xử lại tại toà án đã ra bản án, quyết định bị hủy hoặc toà án khác cùng cấp: *“Khi nào Tòa thượng thẩm chuẩn cho thủ tiêu nguyên án thì việc án và bút lục, hoặc giao phó cho tòa nguyên thẩm hoặc vì duyên có trọng yếu mà giao phó cho tòa án khác đồng cấp với tòa nguyên thẩm”*. Quy định này chịu ảnh hưởng của Điều 427 và 429 Bộ luật TTHS Pháp năm 1808. Việc hủy bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để xét xử lại đặt vụ án và các bên trở lại tình trạng ban đầu trước khi có bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 76 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921, khi xét xử lại, toà án bắt buộc phải chấp nhận quan điểm của hội đồng GĐT: *“Toà án nào đã tiếp nhận việc giao phó, thì phải tuân theo cái luận điểm đã nghị định trong định lệnh của toà thượng thẩm”*.⁽³⁷⁾ Tính bắt buộc chấp hành quan điểm pháp lí của hội đồng GĐT không được quy định ngay từ đầu trong Bộ luật TTHS Pháp năm 1808, mà chỉ được thực hiện trong tổ tụng hình sự Pháp kể từ khi ban hành Luật ngày 01/4/1837. Tuy nhiên, toà án có quyền tự do xét xử đối với những tình tiết khác và có quyền quyết định trái với quan điểm của hội đồng GĐT: *“Nhưng tòa án chịu giao phó, cũng được có toàn quyền tài định về các điểm khác của việc án ấy, mà cái định lệnh tân thứ của tòa án ấy công phán về tình lí của sự thực, có thể trái với cái định lệnh tiền thứ”*; Trường hợp khi xét xử lại, bản án, quyết định của toà án về mặt pháp luật phù hợp với quyết định của hội đồng GĐT thì không được kháng cáo, kháng nghị GĐT nữa: *“Nếu cái định lệnh tân thứ của tòa án chịu giao phó kết nghị ra mà phù hợp với cái định lệnh của Tòa thượng thẩm định về luật điểm, thì đối với cái định lệnh tân thứ ấy không được lại xin thủ tiêu nữa”* (Điều 77 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921).⁽³⁸⁾ Tính bắt buộc chấp hành quan điểm pháp lí của hội đồng GĐT không được quy định ngay từ đầu trong Bộ luật TTHS Pháp năm 1808, mà chỉ được thực hiện trong tổ tụng hình sự Pháp kể từ khi ban hành Luật ngày 01/4/1837 và tiếp

(36). Lê Tài Triển, sdd, tr. 446.

(37). Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Hữu Tiến, sdd, tr. 126.

(38). Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Hữu Tiến, sdd, tr. 126.

tục được quy định trong Bộ luật TTHS hiện hành năm 1957 của Pháp.

Trường hợp hội đồng GĐT chấp nhận kháng nghị vì lợi ích của pháp luật thì chỉ hủy bản án, quyết định bị kháng nghị mà không giao cho tòa án khác xét xử lại: “*Sự xin thủ tiêu mà được tuyên nhận thì không cần phải giao phó cho tòa án nào đứng xử; trực tiếp do Tòa thượng thẩm đứng xử lấy*”.⁽³⁹⁾ Kháng nghị GĐT vì lợi ích của pháp luật là kháng nghị nhằm “*duy trì lấy pháp luật và để phủ chính lại sự lầm lỗi của các tòa án*”.⁽⁴⁰⁾ Trường hợp bản án, quyết định bị hủy vì lợi ích của pháp luật thì việc hủy đó chỉ có giá trị nguyên tắc, chỉ nhằm tái lập sự tôn trọng luật pháp trên nguyên tắc, để làm sáng tỏ luật pháp trong tương lai. Nói cách khác, việc hủy bản án, quyết định không có hậu quả thực tế gì, không ảnh hưởng đến số phần pháp lí, quyền lợi của bị cáo, bị hại. Các chủ thể này vẫn phải chấp hành bản án, quyết định bị hủy, không tránh được sự thi hành bản án ấy: “*Sự xin thủ tiêu ấy là làm lợi cho pháp luật, vậy nên không làm lợi gì mà cũng không làm hại gì cho người đương sự*”.⁽⁴¹⁾ Tuy nhiên, trường hợp kháng nghị GĐT vì lợi ích của pháp luật mà hội đồng GĐT hủy bản án, quyết định bị kháng nghị thì có thể thi hành quyết định GĐT đó theo hướng có lợi cho người bị kết án, bị hại: “*nếu xét ra án nghị tội có trái quy tắc luật hình sự tố tụng hay về sự chiếu luật thì hình phạt có chỗ sai lầm, thì sẽ được vì sự thủ*

tiêu ấy mà làm lợi cho người đương sự” (Điều 79 Bộ luật TTHS Bắc kì năm 1921).

Như vậy, hội đồng GĐT không có quyền sửa và hủy bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để điều tra lại bởi vì GĐT không phải là cấp xét xử thứ ba, không xét xử lại nội dung vụ án, không xem xét lại tình tiết của vụ án. Việc xét xử nội dung vụ án và xem xét tình tiết của vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Tòa án có thẩm quyền GĐT chỉ xem xét lại sự áp dụng và thi hành pháp luật trong bản án, quyết định chung thẩm: “*Toà phá án chỉ là một cơ quan tài phán đặc biệt có thẩm quyền duyệt lại các bản án chung thẩm về phương diện pháp lí mà thôi*”, “*chỉ xem xét giải pháp của phán quyết có phù hợp với luật pháp hay không*”.⁽⁴²⁾

Tóm lại, trong gần 100 năm (1864 - 1945), sự áp dụng trực tiếp và ảnh hưởng mạnh mẽ của pháp luật TTHS Pháp về GĐT đối với việc pháp điển hoá luật TTHS của chế độ cũ đã tạo nên một thủ tục tố tụng hoàn toàn mới lạ so với pháp luật phong kiến Việt Nam chỉ quy định việc xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm theo nhiều cấp. Mặc dù việc tiếp nhận pháp luật tố tụng hình sự Pháp về GĐT là bắt buộc nhưng là tiếp nhận mô hình GĐT điển hình của dòng họ Civil law với hệ thống pháp luật thành văn rất phát triển, có trình độ hệ thống hoá và pháp điển hoá cao. Mặc dù pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành về GĐT không còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật tố tụng hình sự

(39). Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 127.

(40). Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 127.

(41). Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, sđd, tr. 127.

(42). Nguyễn Quốc Hưng, sđd, tr. 57, 66.

Pháp nhưng quan niệm về tính chất của GĐT không thay đổi. Việc khám phá lại lịch sử hình thành và nội dung pháp luật tố tụng hình sự về GĐT tại Việt Nam dưới ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật TTHS Pháp cho thấy bên cạnh những bất cập do yếu tố thời đại, nhiều quy định tiến bộ của nó vẫn được bảo tồn trong pháp luật TTHS hiện hành của Pháp như GĐT không phải là cấp xét xử thứ ba, không xét xử lại nội dung vụ án, không xem xét lại tình tiết của vụ án, không sửa, huỷ bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị để điều tra lại... Những nội dung tiến bộ đó cần tiếp tục được nghiên cứu kết hợp với việc nghiên cứu mô hình GĐT điển hình của dòng họ Civil law đương đại nhằm tìm ra các giải pháp phù hợp cho sự hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành về GĐT./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adrien Blazy, *L'organisation judiciaire en Indochine française 1858-1945, Tome I: Le temps de la construction 1858-1898*, Presses de l'Université Toulouse 1 Capitole, LGDJ - Lextenso Editions, 2014.
2. Adrien Blazy, *L'organisation judiciaire en Indochine française 1858-1945, Tome II: Le temps de la gestion 1858-1945*, Presses de l'Université Toulouse 1 Capitole, LGDJ - Lextenso Editions, 2014.
3. Albert Bonhomme, “La justice indigène en Annam”, *Revue judiciaire franco-annamite*, 06/1932, p. 92 - 95.
4. Nguyễn Văn Điển, Nguyễn Hữu Tiến, *Lược khảo về Bộ luật mới Bắc kì*, Nhà in Kim Đức Giang, Hà Nội, 1923.
5. Nguyễn Quốc Hưng, *Hình sự tố tụng lược giảng*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1957.
6. L. A. Habert, “La justice indigène au Tonkin”, *Revue judiciaire franco-annamite*, 01/1932, p. 46 - 49.
7. L. A. Habert, “La justice indigène au Tonkin”, *Revue judiciaire franco-annamite*, 02/1932, p. 86 - 90.
8. M. Faustin Hélie, JSG. Nypels, Léopold Hanssens, Constant Casier, *Traité de l'instruction criminelle ou Théorie du Code d'instruction criminelle*, Tome troisième, Bruxelles. Bruylant-Christophe et compagnie, Éditeur, 1869.
9. Phan Thị Thanh Mai, “Khái quát về chế định GĐT trong luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay”, *Tạp chí Luật học*, số 03/2005.
10. Phan Thị Thanh Mai, *GĐT trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2007.
11. Serge Guinchard, Monique Bandrac, Mélina Douchy, Frédérique Ferrand, Xavier Lagarde, Véronique Magnier, Hélène Ruiz Fabri, Laurence Sinopoli, Jean-Marc Sorel, *Droit processuel - Droit cummun et droit comparé du procès*, 2e édition, Dalloz, 2003.
12. Ngo Ba Thanh, *L'originalité du droit vietnamien et la réception des droits étrangers au Vietnam: Droit chinois au début de l'ère chrétienne et droit français aux XIXème siècle*, Thèse de doctorat en droit, Paris, Deuxième partie, 1962.
13. Lê Tài Triển (chủ biên), *Nhiệm vụ của công tố viện*, Sài Gòn, 1970.